

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho Quý I năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2010	01/01/2010
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		488.191.858.057	486.797.989.192
(100=110+120+130+140+150)				
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		49.132.664.677	47.074.390.573
1 Tiền	111	V.1.	49.132.664.677	47.074.390.573
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		170.088.899.637	176.119.132.601
1 Phải thu của khách hàng	131		114.113.406.910	142.256.263.704
2 Trả trước cho người bán	132		55.694.975.340	33.688.455.921
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	579.366.850	473.262.439
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(298.849.463)	(298.849.463)
IV Hàng tồn kho	140		267.391.548.556	262.166.219.486
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	267.391.548.556	262.166.219.486
V Tài sản ngắn hạn khác	150		1.578.745.187	1.438.246.532
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4.	110.901.341	37.188.697
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VII.3.1	1.467.843.846	1.401.057.835
			-	-
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		33.173.250.918	34.224.753.878
(200=210+220+240+250+260)				
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		30.746.328.357	31.491.587.231
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	29.352.103.256	30.097.362.130
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6.	1.394.225.101	1.394.225.101
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		(491.223.761)	-
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(491.223.761)	-
V Lợi thế thương mại	260		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	270		2.918.146.322	2.733.166.647
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	V.9.	2.918.146.322	2.733.166.647
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	280		521.365.108.975	521.022.743.070

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2010	01/01/2010
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		435.644.845.128	426.525.916.309
I Nợ ngắn hạn	310		425.540.844.579	415.397.397.060
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10.	130.993.542.387	106.509.459.084
2 Phải trả người bán	312		63.125.524.412	94.766.972.046
3 Người mua trả tiền trước	313		214.716.403.587	174.486.515.920
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11.	3.491.921.507	10.958.639.553
5 Phải trả người lao động	315		3.685.220.124	20.083.803.124
6 Chi phí phải trả	316	V.12.	549.162.855	549.162.855
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13.	1.465.073.586	3.028.236.891
11 Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		7.513.996.121	5.014.607.587
II Nợ dài hạn	330		10.104.000.549	11.128.519.249
3 Phải trả dài hạn khác	333	VII.3.2	180.000.000	180.000.000
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.14.	7.992.400.000	8.992.400.000
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.931.600.549	1.956.119.249
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		82.456.693.261	91.236.504.118
I Vốn chủ sở hữu	410	V.15.	82.456.693.261	91.236.504.118
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		9.828.000.000	9.828.000.000
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		17.511.650.139	11.358.818.115
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		2.291.746.278	1.544.827.062
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.825.296.844	18.504.858.941
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		3.263.570.586	3.260.322.643
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		521.365.108.975	521.022.743.070

Bim Sơn, ngày tháng năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Người lập

Kế toán trưởng

Mai Văn Sơn

Lê Thanh Giêng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Ngày 31/03/2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/03/2010	Tại ngày 01/01/2010
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16.	80.872.674.367	559.327.141.371
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=10-11)	10	VI.17.	80.872.674.367	559.327.141.371
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.18.	74.478.365.445	516.248.859.002
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		6.394.308.922	43.078.282.369
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19.	208.177.757	830.387.947
7 Chi phí tài chính	22	VI.20.	2.783.398.995	8.979.087.044
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.783.398.995	8.979.087.044
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.3.3	2.511.616.192	12.126.144.649
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		1.307.471.492	22.803.438.623
11 Thu nhập khác	31		960.102.635	98.182.196
12 Chi phí khác	32		-	9.410
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		960.102.635	98.172.786
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.267.574.127	22.901.611.409
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.21.	565.236.417	2.503.447.248
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.702.337.710	20.398.164.161
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		1.463.099.446	1.459.851.503
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		239.238.264	18.938.312.658
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.22.	48	3.788

Bim Sơn, ngày tháng năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Người lập

Kế toán trưởng

Mai Văn Sơn

Lê Thanh Giêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Ngày 31/03/2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Ngày 31/03/2010	Ngày 01/01/2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	2.267.574.127	22.901.611.409
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	2	1.754.078.896	6.035.798.615
- Các khoản dự phòng	3	790.073.224	790.073.224
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(633.784.726)	-
- Chi phí lãi vay	6	2.783.398.995	8.979.087.044
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	6.961.340.516	38.706.570.292
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	(4.636.552.989)	(49.841.908.188)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(5.225.329.070)	80.762.569.186
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(14.192.958.392)	39.316.672.631
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(184.979.675)	326.885.177
- Tiền lãi vay đã trả	13	(2.783.398.995)	(8.979.087.044)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(1.429.406.746)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	8.872.303.963
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(563.288.329)	(2.575.197.651)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(20.625.166.934)	105.159.401.620
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	(1.008.820.022)	(5.950.168.104)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	208.177.757	895.024.664
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(800.642.265)	(5.055.143.440)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở	31	-	1.350.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	81.940.070.702	307.913.555.880
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(58.455.987.399)	(375.060.644.675)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(7.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	23.484.083.303	(72.797.088.795)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	2.058.274.104	27.307.169.385
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	47.074.390.573	19.767.221.188
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	49.132.664.677	47.074.390.573

Bim Sơn, ngày tháng năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Người lập

Kế toán trưởng

Mai Văn Sơn

Lê Thanh Giêng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31/03/2010

(tiếp theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng số 5, tên giao dịch là THE VIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY – NO 5 (VINACONEX No 5 – JSC), gọi tắt là "Công ty", tiền thân là Công ty Xây dựng số 5 được thành lập theo quyết định số 1500-BXD ngày 29/09/1973 trên cơ sở sáp nhập Công ty Kiến trúc Ninh Bình và Công ty Kiến trúc Nam Hà thành Công ty Xây dựng số 5; sau đó được thành lập lại theo Quyết định số 047A/BXD-TCLĐ ngày 12/02/1993 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Từ ngày 04/10/2004 Công ty Xây dựng số 5 được chuyển thành Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 theo Quyết định số 1552/QĐ-BXD ngày 04/10/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2603000225 ngày 05/11/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thanh Hoá cấp. Công ty có 04 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 05 tháng 11 năm 2004;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 12 tháng 04 năm 2007;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 18 tháng 07 năm 2007;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 18 tháng 10 năm 2007.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là **50.000.000.000** đồng (Năm mươi tỉ đồng)

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VC5.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình dân dụng và thuỷ lợi; xây dựng các công trình cảng thuỷ và cảng hàng không; Xây lắp đường dây và trạm biến áp; Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp và dân cư; Xây dựng cầu đường; Gia công lắp đặt cơ khí cho xây dựng; Trang trí nội, ngoại thất công trình;
- Đầu tư và kinh doanh nhà ở, khu đô thị;
- Đầu tư khai thác và kinh doanh nước sạch;
- Khai thác, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh vận tải đường bộ và thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ lao động và thương mại.

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Tel: (84-037) 3 824 876 Fax: (84-037) 3824 211

Công ty có 01 văn phòng đại diện tại Hà Nội, địa chỉ: Tầng 2 Tòa nhà Vimeco - lô E9 đường Phạm Hùng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31/03/2010

(tiếp theo)

4. Khái quát chung về Công ty con

- Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Việt Nam, tên giao dịch là VIETNAM INTERIOR DECORATION JOINT STOCK COMPANY (VINADECOR . JSC), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103001400 ngày 25/09/2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 04 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 13 tháng 11 năm 2008.

- Vốn điều lệ: **5.000.000.000 đồng** (Năm tỉ đồng)
- Trụ sở chính tại Tầng 2 T òa nhà Vimeco - lô E9 đường Phạm Hùng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của công ty mẹ theo Giấy phép ĐKKD là 51%, tuy nhiên tại thoif điểm 31/12/2008 do công ty Cổ phần Trang trí nội thất Việt Nam ch ư a góp đủ vốn điều lệ nên tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán ANA4.0. Đến thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31/03/2010

(tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính sản xuất kinh doanh của các Công ty Cổ phần mà Công ty nắm giữ cổ phần chi phối được lập tại ngày 31/12 hàng năm. Các nghiệp vụ luân chuyển và số dư nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất, được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm: giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp giá đích danh.

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

- **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Tại thời điểm 31/12/2009, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**4.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Ngày 31/03/2010****(tiếp theo)**

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

4.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là thương hiệu VINACONEX được hình thành khi cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước. Tại thời điểm 31/12/2009 đã chuyển sang chi phí trả tr ớc dài hạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**5.1 Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay**

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 16 – Chi phí đi vay.

5.2 Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ

Tỷ lệ vốn hoá được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ được tính căn cứ số tiền các đội phụ trách các công trình vay vốn của công ty để mua nguyên vật liệu và trả tiền nhân công trực tiếp cho công trình đó. Lãi suất là lãi suất ngân hàng tại thời điểm công ty phải trả cho ngân hàng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31/03/2010

(tiếp theo)

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau bao gồm các loại chi phí: chi phí mua các công cụ xây dựng, phụ tùng thay thế, công cụ văn phòng, đội và thương hiệu VINACONEX chờ phân bổ.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và tạm trích các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu hoạt động xây lắp các công trình xây dựng, dọn vệ sinh công nghiệp, vận chuyển vật liệu xây dựng và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Một số hợp đồng xây dựng của Công ty quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng, doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hóa đơn giá trị gia tăng, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực số 15 - "Hợp đồng xây dựng".

Một số hợp đồng xây dựng khác của Công ty quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực số 15 - "Hợp đồng xây dựng".

Doanh thu dịch vụ vệ sinh công nghiệp, vận chuyển được xác định theo giá trị khối lượng hoàn thành, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, và chênh lệch tỉ giá phù hợp các quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ, đã trừ đi chi phí lãi vay được vốn hóa.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31/03/2010

(tiếp theo)

11. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**11.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Nguyên tắc trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi dựa theo thời hạn thanh toán hợp đồng kinh tế.

Mức trích lập dự phòng cụ thể như sau: 50% đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 1 năm.

Mức trích lập dự phòng cụ thể như sau: 70% đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến trên 3 năm.

11.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là công trình Nhà máy nước Nghi Sơn trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

11.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

11.4 Nguyên tắc ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp mất việc làm

Khoản dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích lập từ 2% tổng quỹ lương đóng bảo hiểm xã hội của công ty.

11.5 Các nghĩa vụ về thuế***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 5% đối với các dịch vụ sửa chữa, 10% đối với hoạt động xây lắp và dịch vụ khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty được miễn thuế 2 năm đầu tiên kể từ khi có lãi, giảm 50% trong 3 năm tiếp theo quy định ưu đãi tại điều 36, Nghị định 187/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/11/2004 về việc chuyển đổi Công ty Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Năm 2009 là năm thứ 5 Công ty kinh doanh có lãi và hoạt động liên tục từ khi Cổ phần hóa nên Công ty được giảm 50% thuế Thu nhập doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31/03/2010

(tiếp theo)

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

11.6 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn các công trình xây lắp được ghi nhận theo hợp đồng giao khoán từ 85% đến 95% doanh thu, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn các dịch vụ khác được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	31/03/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền mặt	1.255.129.516	944.097.436
Tiền mặt tại quỹ Công ty Cổ phần xây dựng số 5	449.796.297	118.018.954
Tiền mặt tại quỹ Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Việt Nam	805.333.219	826.078.482
Tiền gửi ngân hàng	47.877.535.161	46.130.293.137
Tài khoản VND	47.875.782.599	46.128.540.575
Công ty Cổ phần xây dựng số 5	45.317.807.038	43.649.987.587
Ngân hàng Công thương thị xã Bim Sơn	11.187.657.899	10.309.458.917
Ngân hàng No & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội	141.076.302	2.189.081.217
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn	30.541.788.283	19.128.890.918
Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội	3.441.378.562	10.990.361.355
Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt - Chi nhánh Hà Nội	5.905.992	1.032.195.180
Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Việt Nam	2.557.975.561	2.478.552.988
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô	2.557.975.561	2.478.552.988
Tài khoản USD	1.752.562	1.752.562
Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt - Chi nhánh Hà Nội	1.752.562	1.752.562
Tổng cộng	49.134.417.239	49.552.943.561
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/03/2010 VND	01/01/2010 VND
Phải thu khác	427.207.742	16.122.561

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31/03/2010

(tiếp theo)

Công ty Cổ phần xây dựng số 5	401.322.181	422.000
Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Việt Nam	25.885.561	15.700.561
Dư nợ TK 338	152.159.108	457.139.878
Bảo hiểm xã hội nộp trước	142.019.694	457.139.878
Trả trước CBCNV chế độ BHXH	-	0
Phải thu các đối tượng khác	10.139.414	0
Tổng cộng	579.366.850	473.262.439
3. Hàng tồn kho	31/03/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.511.402.675	4.249.620.804
Công ty Cổ phần xây dựng số 5	3.856.471.103	3.594.689.232
Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Việt Nam	654.931.572	654.931.572
Công cụ, dụng cụ	389.764.253	608.773.893
Công ty Cổ phần xây dựng số 5	343.650.253	562.659.893
Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Việt Nam	46.114.000	46.114.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	262.150.094.456	256.967.537.617
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	260.579.695.576	255.683.766.025
Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Việt Nam	1.570.398.880	1.283.771.592
Thành phẩm	70.894.839	70.894.839
Hàng hóa tồn kho	269.392.333	269.392.333
Cộng giá gốc hàng tồn kho	267.391.548.556	262.166.219.486
4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	31/03/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân, thuế đất nộp thừa	-	-
Công ty Cổ phần xây dựng số 5	73.712.644	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	37.188.697	37.188.697
Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Việt Nam	37.188.697	37.188.697
Cộng	110.901.341	37.188.697
5. Tài sản cố định vô hình		Đơn vị tính: VND
6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/03/2010	01/01/2010
	VND	VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31/03/2010

(tiếp theo)

Công trình Nhà máy nước Nghi Sơn	1.388.246.556	1.388.246.556
Công trình lẻ khác	5.978.545	5.978.545
Tổng cộng	1.394.225.101	1.394.225.101
7. Đầu tư dài hạn khác	31/03/2010	01/01/2010
	VND	VND
	-	-
Tổng cộng	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31/03/2010

(tiếp theo)

9. Chi phí trả trước dài hạn	31/03/2010 VND	01/01/2010 VND		
<i>Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ</i>	2.318.146.322	2.133.166.647		
<i>Thương hiệu Vinaconex</i>	600.000.000	600.000.000		
Tổng cộng	2.918.146.322	2.733.166.647		
10. Vay và nợ ngắn hạn	31/03/2010 VND	01/01/2010 VND		
<i>Công ty Cổ phần xây dựng số 5</i>	<i>130.993.542.387</i>	<i>106.509.459.084</i>		
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bim Sơn	96.483.846.314	62.278.191.382		
Ngân hàng Công thương thị xã Bim Sơn	19.668.873.000	20.203.401.000		
Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội	14.840.823.073	24.027.866.702		
Vay cá nhân	-	-		
<i>Trần Thị Vân</i>	-	-		
<i>Nguyễn Thị Khuyên</i>	-	-		
<i>Trần Thọ</i>	-	-		
Tổng cộng	130.993.542.387	106.509.459.084		
11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2010	Số phải nộp	Số đã nộp	31/03/2010
Thuế GTGT đầu ra	9.229.913.554	2.071.723.085	10.024.540.288	1.277.096.351
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		-	-	0
Thuế tiêu thụ đặc biệt		-	-	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp		565.236.417	-	565.236.417
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.649.587.739			1.649.587.739
Thuế thu nhập cá nhân	1.466.416		6.240.600	-4.774.184
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	77.671.844		146.610.304	-68.938.460
Các loại thuế khác	-37.188.697			-37.188.697
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	37.188.697			110.901.341
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10.921.450.856	2.636.959.502	10.177.391.192	3.491.920.507

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31/03/2010

(tiếp theo)

12. Chi phí phải trả	31/03/2010	01/01/2010		
	VND	VND		
Trích trước chi phí phải trả Công ty Cổ phần Xây lắp điện máy Hà Tây	-	-		
Trích trước chi phí sửa chữa lớn	-	549.162.855		
Chi phí trả trước gỗ nhập kho công trình Quảng Ninh 2	-	-		
Tổng cộng	-	549.162.855		
13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/03/2010	01/01/2010		
	VND	VND		
<i>Tài sản thừa chờ xử lý</i>	<i>12.167.582</i>	<i>12.167.582</i>		
Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Việt Nam	12.167.582	12.167.582		
<i>Kinh phí công đoàn</i>	<i>792.273.219</i>	<i>1.040.300.739</i>		
Công ty Cổ phần xây dựng số 5	658.220.253	872.065.773		
Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Việt Nam	134.052.966	168.234.966		
<i>Các khoản bảo hiểm phải nộp</i>	<i>51.530.000</i>	<i>363.682.378</i>		
Công ty Cổ phần xây dựng số 5	47.128.000	359.280.378		
Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Việt Nam	4.402.000	4.402.000		
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>609.102.785</i>	<i>1.612.086.192</i>		
Công ty Cổ phần xây dựng số 5	462.332.109	1.504.392.516		
Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Việt Nam	146.770.676	107.693.676		
Tổng cộng	1.465.073.586	3.028.236.891		
14. Vay và nợ dài hạn	31/03/2010	01/01/2010		
	VND	VND		
<i>Công ty Cổ phần xây dựng số 5</i>	<i>7.992.400.000</i>	<i>8.992.400.000</i>		
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bim Sơn	5.800.000.000	6.800.000.000		
Ngân hàng Công thương Bim Sơn	-	-		
Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội	2.192.400.000	2.192.400.000		
Tổng cộng	7.992.400.000	8.992.400.000		
15. Vốn chủ sở hữu	Đơn vị tính: VND			
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Chỉ tiêu				
Số dư tại ngày 01/01/2008	50.000.000.000	9.828.000.000	9.013.819.702	68.841.819.702
Tăng vốn trong năm tr ước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	18.938.312.658	18.938.312.658
Giảm vốn trong năm tr ước	-	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31/03/2010

(tiếp theo)

Lỗi trong năm trước	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(9.075.019.702)	(9.075.019.702)
Số dư tại ngày 31/12/2008	50.000.000.000	9.828.000.000	18.877.112.658	78.705.112.658
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	239.238.264	239.238.264
Tăng khác	-	-	-	-
Lỗi trong năm nay	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(15.006.486.395)	(15.006.486.395)
Số dư tại ngày 31/12/2009	50.000.000.000	9.828.000.000	18.504.858.941	78.332.858.941

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/03/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước - Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	25.500.000.000	25.500.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	24.500.000.000	24.500.000.000
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/03/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.000.000.000	(7.000.000.000)

d) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	14%	14%
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	14%	14%
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận		

đ) Cổ phiếu

	31/03/2010	01/01/2010
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31/03/2010

(tiếp theo)

- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10,000 đồng		

f) Các quỹ của công ty

Chỉ tiêu	01/01/2010	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2010
Quỹ đầu tư phát triển	11.358.818.115	6.152.832.024	-	17.511.650.139
Quỹ dự phòng tài chính	1.544.827.062	746.919.216	-	2.291.746.278
Tổng cộng	12.903.645.177	6.899.751.240	-	19.803.396.417

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

16. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Ngày 31/03/2010 VND	Ngày 01/01/2010 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.678.461.923	27.264.391.957
Công ty Cổ phần xây dựng số 5	2.099.275.287	17.655.519.230
Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Việt Nam	579.186.636	9.608.872.727
Doanh thu hợp đồng xây dựng	78.194.212.444	532.062.749.414
Công ty Cổ phần xây dựng số 5	77.319.451.535	531.484.172.141
Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Việt Nam	874.760.909	578.577.273
Tổng cộng	80.872.674.367	559.327.141.371
17. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Ngày 31/03/2010 VND	Ngày 01/01/2010 VND
Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	2.678.461.923	27.264.391.957
Công ty Cổ phần xây dựng số 5	2.099.275.287	17.655.519.230
Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Việt Nam	579.186.636	9.608.872.727
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	78.194.212.444	532.062.749.414
Công ty Cổ phần xây dựng số 5	77.319.451.535	531.484.172.141
Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Việt Nam	874.760.909	578.577.273
Tổng cộng	80.872.674.367	559.327.141.371

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31/03/2010

(tiếp theo)

18. Giá vốn hàng bán	Ngày 31/03/2010 VND	Ngày 01/01/2010 VND
<i>Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp</i>	<i>2.439.180.512</i>	<i>23.704.992.249</i>
Công ty Cổ phần xây dựng số 5	1.973.318.769	16.243.077.692
Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Việt Nam	465.861.743	7.461.914.557
<i>Giá vốn của hợp đồng xây dựng</i>	<i>72.039.184.933</i>	<i>492.543.866.753</i>
Công ty Cổ phần xây dựng số 5	71.349.533.153	481.599.503.937
Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Việt Nam	689.651.780	10.944.362.816
Tổng cộng	74.478.365.445	516.248.859.002
19. Doanh thu hoạt động tài chính	Ngày 31/03/2010 VND	Ngày 01/01/2010 VND
Lãi tiền gửi	208.177.757	830.387.947
Tổng cộng	208.177.757	830.387.947
20. Chi phí tài chính	Ngày 31/03/2010 VND	Ngày 01/01/2010 VND
Lãi tiền vay	2.783.398.995	8.979.087.044
Tổng cộng	2.783.398.995	8.979.087.044
21. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Ngày 31/03/2010	Ngày 01/01/2010
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	82.040.954.759	560.255.711.514
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	79.773.380.632	537.354.100.105
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	2.267.574.127	22.901.611.409
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.260.945.671	4.958.202.324
Số thuế TNDN đã được điều chỉnh giảm 30% theo thông tư số		(36.519.130)
Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp 25% của Công ty mẹ	565.236.417	(2.418.235.947)
Số thuế TNDN phải nộp năm hiện hành	2.260.945.671	2.503.447.248
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31/03/2010 VND	01/01/2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.702.337.710	20.398.164.161
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.702.337.710	20.398.164.161
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31/03/2010

(tiếp theo)

+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu 340 4.080

VII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Theo bảng niêm yết ngày 24/02/2009 của Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội thì giá thị trường của cổ phiếu VC5 (do Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 phát hành) là 22.300 đồng /01 cổ phiếu.

2. Thông tin về các bên liên quan

2.1 Giao dịch với các bên liên quan

	Ngày 31/03/2010 VND	Ngày 01/01/2010 VND
Doanh thu		
Bán hàng cho Tổng Công ty Cổ phần XNK và Xây dựng Việt Nam	58.982.081.824	96.622.893.788
Công ty Cổ phần xây dựng số 5	58.982.081.824	96.622.893.788

2.2 Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm

	Ngày 31/03/2010 VND	Ngày 01/01/2010 VND
Thu nhập Ban giám đốc công ty	195.983.000	195.983.000
Tổng cộng	195.983.000	195.983.000

3. Những thông tin khác

3.1 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tạm ứng	542.137.599	525.351.588
Công ty Cổ phần xây dựng số 5	415.621.850	416.835.839
Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Việt Nam	126.515.749	108.515.749
Ký quỹ ngắn hạn	925.706.247	875.706.247
Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội	425.706.247	375.706.247
Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Bỉm Sơn	500.000.000	500.000.000
Tổng cộng	1.467.843.846	1.401.057.835

3.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Công ty Cổ phần xây dựng số 5	180.000.000	180.000.000
Nhận ký quỹ dài hạn	180.000.000	180.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31/03/2010

(tiếp theo)

Tổng cộng	180.000.000	180.000.000
3.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Ngày 31/03/2010	Ngày 01/01/2010
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.572.989.510	6.699.836.946
Chi phí vật liệu quản lý	235.502.638	810.714.245
Chi phí đồ dùng văn phòng	79.910.655	320.829.842
Chi phí khấu hao TSCĐ	49.734.948	264.343.356
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	260.124.084
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.791.050	718.518.377
Chi phí bằng tiền khác	482.687.391	3.051.777.799
Tổng cộng	2.511.616.192	12.126.144.649
3.4 Thu nhập khác	Ngày 31/03/2010	Ngày 01/01/2010
	VND	VND
Thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ	-	-
Thu phạt vi phạm hợp đồng	-	-
Nhận khuyến mại xi măng	-	-
Thu từ tất toán công nợ theo Biên bản xử lý kiểm kê ngày 01/01/2008	-	-
Thu nhượng bán vật tư, cho thuê máy	960.102.635	98.182.196
Thu từ thanh lý nhượng bán CCDC	-	-
Thuế GTGT không phải nộp theo đối chiếu số liệu thuế	-	-
Tổng cộng	960.102.635	98.182.196
3.5 Chi phí khác	Ngày 31/03/2010	Ngày 01/01/2010
	VND	VND
Tất toán công nợ	-	-
Tổng cộng	-	-

3.6 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2008 của Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 và Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Bim Sơn, ngày 15 tháng 04 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Người lập

Kế toán trưởng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31/03/2010

(tiếp theo)

Mai Văn Sơn

Lê Thanh Giêng

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Tel: (84-037) 3 824 876 Fax: (84-037) 3824 211

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho Quý I năm 2010

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31/03/2010

(tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					
Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2010	11.878.300.441	38.945.673.814	14.524.609.928	8.010.168.331	73.358.752.514
Mua trong năm	-	830.199.272	-	178.620.750	1.008.820.022
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(91.676.190)	(480.196.000)	-	(571.872.190)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/03/2010	11.878.300.441	39.684.196.896	14.044.413.928	8.188.789.081	73.795.700.346
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2010	4.227.806.543	22.432.827.498	9.447.105.522	7.153.650.821	43.261.390.384
Khấu hao trong năm	70.084.493	1.110.663.915	398.689.595	174.640.893	1.754.078.896
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(91.676.190)	(480.196.000)	-	(571.872.190)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/03/2010	4.297.891.036	23.451.815.223	9.365.599.117	7.328.291.714	44.443.597.090
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2010	7.650.493.898	16.512.846.316	5.077.504.406	856.517.510	30.097.362.130
Tại ngày 31/03/2010	7.580.409.405	16.232.381.673	4.678.814.811	860.497.367	29.352.103.256

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 19.015.709.206 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 26.754.831.259 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 3.024.452.585 VND